

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 21/04/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV6190010	Đỗ Thanh	An	09/12/1987		
2	TA0002	SV6190011	Đào Bá Tuấn	Anh	23/11/1993		
3	TA0003	SV6190012	Đỗ Nguyệt	Anh	26/05/1996		
4	TA0004	SV6190013	Ngô Tuấn	Anh	19/09/1994		
5	TA0005	SV6190014	Trần Thế	Anh	13/02/1989		
6	TA0006	SV6190015	Nguyễn Thị Kim	Cầm	11/11/1977		
7	TA0007	SV6190016	Đinh Công	Cương	24/10/1988		
8	TA0008	SV6190017	Đinh Văn	Đại	20/06/1977		
9	TA0009	SV6190018	Nguyễn Hồng	Đại	05/03/1993		
10	TA0010	SV6190019	Nguyễn Tiến	Đạt	04/10/1985		
11	TA0011	SV6190020	Phạm	Đông	10/02/1989		
12	TA0012	SV6190021	Phạm Việt	Đức	30/09/1992		
34	TA0013	SV6190022	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/1976		
13	TA0014	SV6190023	Trần Thái	Hà	11/07/1980		
14	TA0015	SV6190024	Lâm Thị	Hạnh	28/10/1982		
15	TA0016	SV6190025	Phạm Khắc	Hiếu	05/12/1995		
16	TA0017	SV6190026	Lê	Hoàng	15/09/1997		
17	TA0018	SV6190027	Ngô Duy	Hương	02/03/1984		
18	TA0019	SV6190028	Ngô Văn	Hưởng	04/03/1996		
19	TA0020	SV6190029	Từ Gia	Huy	05/06/1998		
20	TA0021	SV6190030	Phan Văn	Khải	15/08/1997		
21	TA0022	SV6190031	Nguyễn Đình	Kiên	12/08/1994		
22	TA0023	SV6190032	Nguyễn Văn	Lực	23/08/1986		
23	TA0024	SV6190033	Đàm Quang	Minh	25/05/1982		
24	TA0025	SV6190034	Khổng Tiến	Nam	06/11/1996		

25	TA0026	SV6190035	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	24/09/1979		
26	TA0027	SV6190036	Khương Minh	Nhật	07/12/1996		
27	TA0028	SV6190037	Đỗ Hoàng	Phương	19/11/1982		
28	TA0029	SV6190038	Nguyễn Hải	Quân	05/09/1998		
29	TA0030	SV6190039	Bùi Văn	Tấn	22/09/1984		
30	TA0031	SV6190040	Nguyễn Quyết	Thắng	20/11/1996		
31	TA0032	SV6190041	Phạm Minh	Thắng	11/11/1987		
32	TA0033	SV6190042	Phan Thanh	Thìn	07/12/1988		
33	TA0034	SV6190043	Trần Thị Anh	Thơ	08/08/1996		
35	TA0035	SV6190044	Nguyễn Thị Minh	Trang	13/11/1996		
36	TA0036	SV6190045	Trần Xuân	Trường	04/06/1980		
37	TA0037	SV6190046	Nông Thanh	Tùng	09/07/1996		
38	TA0038	SV6190047	Thiều Kim	Tùng	15/01/1997		
39	TA0039	SV6190048	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992		
40	TA0040	SV6190049	Vũ Xuân	Vượng	20/06/1989		
41	TA0041	SV6190050	Nguyễn Đình	Xuân	16/03/1996		
42	TA0331	SV6190340	Nguyễn Quý	Sơn	23/07/1998		
43	TA0332	SV6190342	Nguyễn Hoàng	Linh	08/09/1992		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)